

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KẾ SÁCH  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2024/DS-ST

Ngày: 29/7/2024.

V/v Tranh chấp bồi thường  
thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tô Thị Bích Duyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Sơn.  
2. Ông Trần Minh Hiếu.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Duy Hiến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Dương Thanh Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 106/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2024 về “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 279/2024/QĐXXST-DS, ngày 28 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 232/2024/QĐST-DS, ngày 18 tháng 7 năm 2024 giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông **Lê Văn C** năm 1961. Địa chỉ: Ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông **Ung Hoàng T** năm 1967. Địa chỉ: Ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nguyên đơn là ông **Lê Văn C** trình bày như sau:

Vào sáng ngày 16/06/2023 ông cùng ông **Ung Hoàng T** ngồi uống rượu với nhau tại nhà ông **T** thấy ông **T** đã say nên ông kè ông **T** nhà trên để nằm nghỉ. Ông vừa quay người đi thì bất ngờ ông **T** dao vào bụng ông, ông né người qua chỗ khác thì ông **T** nhào người chém vào lỗ tai trái của ông. Ông cố gắng hết sức để về được đến nhà và người nhà đưa ông vào trạm y tế sơ cứu và xác tình trạng bị thương của ông, sau đó ông được người nhà đưa vào **bệnh viện Đa khoa Trung ương thành phố C** điều trị hết 10 ngày. Trong quá trình điều trị tại bệnh viện ông **T không** hề đến

thăm ông. Khi ông về nhà nằm dưỡng thương thì ông T đến thăm ông được 01 lần nhưng không hề đưa tiền cho ông để khắc phục hậu quả.

- Ông bị xâm hại về sức khỏe bằng chứng là sau khi ông bị hành hung ông đã phải nhập viện từ ngày 16/06/2023 và xuất viện ngày 26/06/2023 tại **Bệnh viện Đ C** Tổng tiền viện phí, tiền thuốc men và chi phí đi lại, ngày công bị mất, tổn thất tinh thần;... là: 46.080.000 đồng, cụ thể như sau:

1/ Tiền viện phí và tiền thuốc: 18.100.000 đồng (có hóa đơn kèm theo đơn khởi kiện)

2/ Tiền công lao động của người bệnh: 300.000 x 10 ngày (nằm viện) = 3.000.000 đồng

3/ Tiền công lao động của người bệnh: 300.000 đồng x 60 ngày (đau do vết đâm không đi làm được) = 18.000.000 đồng.

4/ Tiền công lao động của người nuôi bệnh: 250.000 x 10 ngày = 2.500.000 đồng.

5/ Tiền ăn ngày nằm viện: 75.000 đồng/ ngày/ người x 02 người x 10 ngày = 1.500.000 đồng.

6/ Tiền yêu cầu bồi thường tổn thất về tinh thần 02 tháng là: 02 tháng x 1.490.000 đồng = 2.980.000 đồng.

Hiện tại các bản chính hóa đơn thuốc do **Công an xã X** giữ, kèm theo đơn khởi kiện là biên bản làm việc tại Công an xã X ngày 11/07/2023 với ông **Ung Hoàng T**. Tại biên bản hòa giải ông **Ung Hoàng T** hứa sẽ bồi thường cho ông số tiền 21.100.000 đồng nhưng đến nay đã quá hạn nhưng ông **T** không đưa tiền khắc phục hậu quả. Trong quá trình điều trị, do gia đình ông vô cùng khó khăn phải vay mượn khắp nơi để chữa trị thương tích, hiện nay ông còn nợ gần 20.000.000 đồng.

Nay ông yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kế Sách giải quyết như sau:

Buộc ông **Ung Hoàng T** có trách nhiệm bồi thường cho ông số tiền là: 46.080.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu, không trăm tám mươi nghìn đồng). Ông không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên tòa, ông **Lê Văn C** đòi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể Theo Biên bản tự thỏa thuận của ông và ông **T** ngày 11/7/2023 tại **Công an xã X** hai bên thống nhất số tiền ông **T** thường thiệt hại cho ông là 18.100.000 đồng nhưng sau đó ông **T** thực hiện thỏa thuận nên ông **C** khởi kiện đến Tòa án. Nay ông **C** cầu ông **T** nghĩa vụ bồi thường cho ông là 21.100.000 đồng như đã thỏa thuận trước đây, ngoài ra ông không yêu cầu bồi thường thêm.

\* *Đối với bị đơn là ông **Ung Hoàng T***: Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến nay, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T, nhưng ông T không tham gia tố tụng, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án không thể thu thập được lời khai và yêu cầu của ông **T**

Đến thời điểm xét xử sơ thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

\* Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như: Thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định đúng tư cách đương sự, quan hệ pháp luật tranh chấp, việc thu thập chứng cứ. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 244, điểm a khoản 2 Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng khoản 1 Điều 584, 585, 586, 590 và Điều 601 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 2, Điều 3, Điều 7 Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn là ông **Lê Văn C** kiện ông **Ung Hoàng T** để yêu cầu ông **T** trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông các khoản chi phí điều trị thương tích do bị đơn gây ra. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa ông **C** ông **T** là “Tranh chấp bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm” được quy định tại Điều 590 của Bộ luật dân sự 2015. Bị đơn là ông **Ung Hoàng T** sinh sống và cư trú tại ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 6, Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn là ông **Ung Hoàng T1** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Nguyên đơn và Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Kế Sách đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn có yêu cầu thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể: Theo đơn khởi kiện ngày 14/8/2023 ông **Lê Văn C** cầu ông **Ung Hoàng T** trách nhiệm bồi thường cho ông tổng các chi phí do sức khỏe bị xâm phạm là 46.080.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay, ông **C** xác định chỉ yêu cầu ông **T** nghĩa vụ bồi thường cho ông tổng các chi phí là 21.100.000 đồng như đã thỏa thuận trước đây, ngoài ra ông không yêu cầu ông **T** thường thêm. Xét việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là tự nguyện, nội dung thay đổi không vượt quá phạm vi khởi kiện và đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn có trong hồ sơ vụ án, các chứng cứ thu thập được tại Công an xã X, tỉnh Sóc Trăng cũng như các chứng cứ thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử có căn cứ nhận định rằng: Vào ngày 16/6/2023 nguyên đơn Chạy và bị đơn T tổ chức uống rượu tại nhà bị đơn T Bị đơn T thừa nhận, sau khi uống rượu say có gây thương tích cho nguyên đơn ở bụng và ở lỗ tai trái của nguyên đơn. Sau khi sự việc xảy ra thì nguyên đơn đã đi điều trị thương tích ở Bệnh viện Đ thời gian 10 ngày, kể từ ngày 16/6/2023 đến ngày 24/6/2023. Đồng thời, sau khi sự việc xảy ra, Công an xã X mời ông T ông C việc, ông T nhận có gây thương tích cho ông C đồng ý bồi thường các khoản chi phí điều trị thương tích cho ông C số tiền là 18.100.000 đồng và đồng ý bồi thường 3.000.000 đồng tiền công lao động trong thời gian ông C trị thương tích (theo Biên bản về việc hai bên tự thỏa thuận tiền bồi thường ngày 11/7/2023 tại Công an xã X được xem là các tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Như vậy, bị đơn Ung Hoàng T thừa nhận có hành vi gây thương tích cho nguyên đơn và đồng ý bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn Chạy với tổng các khoản chi phí là 21.100.000 đồng, nhưng do sau khi hai bên thỏa thuận xong ngày 11/7/2023 thì đến nay ông T bồi hoàn số tiền nào cho nguyên đơn, từ đó mới phát sinh tranh chấp.

Từ những căn cứ và phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng bị đơn là người có lỗi trong việc gây thương tích cho nguyên đơn và cũng đã đồng ý bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn. Các đương sự đã thống nhất được với nhau về số tiền bồi thường thiệt hại (điều trị thương tích và ngày công lao động) là 18.100.000 đồng + 3.000.000 đồng = 21.100.000 đồng, việc thỏa thuận này của các đương sự là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên cần được chấp nhận.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách vì có căn cứ pháp luật như đã phân tích nêu trên.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên không phải chịu án phí sơ thẩm; Bị đơn không cung cấp được các giấy tờ chứng minh thuộc trường hợp được miễn nộp án phí nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cụ thể: 21.100.000 đồng x 5% = 1.055.000 đồng.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147; Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 và khoản 2 Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 590 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông **Lê Văn C**

Buộc yêu cầu bị đơn là ông **Ung Hoàng T** bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho nguyên đơn là ông **Lê Văn C** với tổng số tiền là 21.100.000 đồng (*hai mươi một triệu, một trăm nghìn đồng*).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông **Lê Văn C** có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông **Ung Hoàng T** phải trả lãi cho ông **Lê Văn C** theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn là ông **Ung Hoàng T** chịu 1.055.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn là ông **Lê Văn C** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn (có mặt) có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn (vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Tô Thị Bích Duyên**

**H**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Tô Thị Bích Duyên**